

PHIẾU KHẢO SÁT SINH VIÊN VỪA TỐT NGHIỆP TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH NĂM 2021

Chào các bạn là **SINH VIÊN TỐT NGHIỆP KHÓA 2021**.

Đầu tiên, chúc mừng bạn vượt qua những kì thi cuối cùng cam go đầy thử thách và chuẩn bị trở thành một nhân viên y tế có ích cho xã hội trong tương lai.

Sau khoảng thời gian sinh hoạt và học tập tại trường, bạn sẽ có những suy nghĩ, băn khoăn, trăn trở của riêng mình về Nhà trường.

Những ý kiến của các bạn sẽ giúp Nhà trường có thể xây dựng những kế hoạch, giúp cải tiến được chất lượng đào tạo. Chính vì thế, chúng tôi rất hi vọng bạn sẽ trả lời đầy đủ các câu hỏi một cách trung thực và chính xác nhất.

Nhà trường cam đoan rằng mọi thông tin mà bạn cung cấp trong khảo sát này **hoàn toàn được giữ bí mật**.

Nếu có thắc mắc hoặc muốn trao đổi thêm, đừng ngần ngại liên hệ theo địa chỉ ở cuối phiếu khảo sát này.

PHẦN 1: ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG

PHẦN 1.1: VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Chương trình)

1. Chương trình có sự linh hoạt, mềm dẻo

(Linh hoạt, mềm dẻo: có thể thay đổi phù hợp với hoàn cảnh, đối tượng)

- 1. Đồng ý
- 2. Không đồng ý
- 3. Không có ý kiến vì chưa rõ câu hỏi
- 4. Ý kiến khác:

2. Chương trình đảm bảo đủ năng lực liên thông với chương trình sau Đại học

- 1. Đồng ý
- 2. Không đồng ý
- 3. Không có ý kiến vì chưa tìm hiểu chương trình Sau Đại học
- 4. Ý kiến khác:

3. Tỷ lệ nội dung chương trình đã được cập nhật, đổi mới để đáp ứng nhu cầu xã hội

- 1. 0% - <20%
- 2. 20% - <40%
- 3. 40% - <60%
- 4. 60% - <80%
- 5. 80% - 100%

4. Chương trình có sự phân bố hợp lý giữa lý thuyết, thực tập và thực hành

- 1. Hoàn toàn không hợp lý (từ 0%-20%)
- 2. Không hợp lý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Hợp lý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn hợp lý (từ 80%-100%)

5. Thời lượng giờ học LÝ THUYẾT khối môn Khoa học cơ bản hợp lý (là các môn học: Lý luận chính trị, Ngoại ngữ, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng...)

- 1. Hoàn toàn không hợp lý (từ 0%-20%)
- 2. Không hợp lý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Hợp lý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn hợp lý (từ 80%-100%)

6. Thời lượng giờ học LÝ THUYẾT khối môn Y học cơ sở hợp lý (gồm các môn học của 05 học kỳ đầu như: Giải phẫu, Sinh lý, Mô, Phôi, Dược lý, Giải phẫu bệnh...)

- 1. Hoàn toàn không hợp lý (từ 0%-20%)
- 2. Không hợp lý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Hợp lý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn hợp lý (từ 80%-100%)

7. Thời lượng giờ học LÝ THUYẾT khối môn Y học lâm sàng hợp lý

- 1. Hoàn toàn không hợp lý (từ 0%-20%)
- 2. Không hợp lý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Hợp lý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn hợp lý (từ 80%-100%)

8. Thời lượng giờ học THỰC TẬP các môn cơ sở hợp lý

- 1. Hoàn toàn không hợp lý (từ 0%-20%)
- 2. Không hợp lý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Hợp lý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn hợp lý (từ 80%-100%)

9. Thời lượng giờ học THỰC HÀNH LÂM SÀNG hợp lý

- 1. Hoàn toàn không hợp lý (từ 0%-20%)
- 2. Không hợp lý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Hợp lý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn hợp lý (từ 80%-100%)

10. Các môn học trong chương trình được tổ chức một cách có hệ thống

- 1. Đồng ý
- 2. Không đồng ý
- 3. Không có ý kiến
- 4. Ý kiến khác:

11. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập về LÝ THUYẾT (những kiến thức của ngành Y được học trên giảng đường và trong giáo trình học và được đánh giá qua các kỳ thi trắc nghiệm trên máy tính và các kỳ thi giấy) được thực hiện một cách công bằng

- 1. Hoàn toàn không đồng ý (từ 0%-20%)
- 2. Không đồng ý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Đồng ý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn đồng ý (từ 80%-100%)
- 6. Ý kiến khác (cụ thể về từng môn học, chuyên ngành):

12. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập về THỰC TẬP (những kỹ năng được học trong phòng thí nghiệm, phòng mô phỏng lâm sàng tại trường và được đánh giá qua các kỳ thi tại phòng thí nghiệm, phòng thực tập của trường) được thực hiện một cách công bằng

- 1. Hoàn toàn không đồng ý (từ 0%-20%)
- 2. Không đồng ý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Đồng ý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn đồng ý (từ 80%-100%)
- 6. Ý kiến khác (cụ thể về từng môn học, chuyên ngành):

13. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập về THỰC HÀNH LÂM SÀNG (những kỹ năng và kiến thức được giảng dạy tại bệnh viện được đánh giá qua các bài kiểm tra, vấn đáp, chỉ tiêu đánh giá quá trình tại bệnh viện) được thực hiện một cách công bằng

- 1. Hoàn toàn không đồng ý (từ 0%-20%)
- 2. Không đồng ý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Đồng ý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn đồng ý (từ 80%-100%)
- 6. Ý kiến khác (cụ thể về từng môn học, chuyên ngành):

14. Kiểm tra đánh giá được thực hiện dựa vào mục tiêu đào tạo đã được báo cho sinh viên trong từng môn học, từng bài giảng

- 1. Đồng ý
- 2. Không đồng ý
- 3. Không có ý kiến
- 4. Ý kiến khác (cụ thể về từng môn học, chuyên ngành):

15. Ngoài các ý kiến trên, bạn có đóng góp gì cho nội dung về chương trình đào tạo? (tính linh hoạt, cập nhật, phân bố và đánh giá kết quả học tập...)

1. Không

2. Có:

PHẦN 1.2: VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN (GV)

16. Tỷ lệ GV có kiến thức chuyên môn sâu

1. 0% - <20%

2. 20% - <40%

3. 40% - <60%

4. 60% - <80%

5. 80% - 100%

17. Tỷ lệ GV giảng lý thuyết các môn Y học cơ sở truyền tải nhiều kinh nghiệm thực tế

1. 0% - <20%

2. 20% - <40%

3. 40% - <60%

4. 60% - <80%

5. 80% - 100%

18. Tỷ lệ GV giảng lý thuyết các môn Y học lâm sàng truyền tải nhiều kinh nghiệm thực tế

1. 0% - <20%

2. 20% - <40%

3. 40% - <60%

4. 60% - <80%

5. 80% - 100%

19. Tỷ lệ GV có hướng dẫn SV ứng dụng lý thuyết vào thực tế

1. 0% - <20%

2. 20% - <40%

3. 40% - <60%

4. 60% - <80%

5. 80% - 100%

20. Tỷ lệ GV có phương pháp truyền đạt dễ hiểu

1. 0% - <20%

2. 20% - <40%

3. 40% - <60%

4. 60% - <80%

5. 80% - 100%

21. Tỷ lệ GV sử dụng các phương pháp giảng: bài tập nhóm, thảo luận, thuyết trình

- 1. 0% - <20%
- 2. 20% - <40%
- 3. 40% - <60%
- 4. 60% - <80%
- 5. 80% - 100%

22. Tỷ lệ GV đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy theo lịch/tiến độ phân công

- 1. 0% - <20%
- 2. 20% - <40%
- 3. 40% - <60%
- 4. 60% - <80%
- 5. 80% - 100%

23. Tỷ lệ GV giải thích rõ ràng, dễ hiểu về những thắc mắc của SV

- 1. 0% - <20%
- 2. 20% - <40%
- 3. 40% - <60%
- 4. 60% - <80%
- 5. 80% - 100%

24. Tỷ lệ GV động viên, thúc đẩy SV thực hiện công việc học tập, nghiên cứu khoa học, thực hành lâm sàng.

- 1. 0% - <20%
- 2. 20% - <40%
- 3. 40% - <60%
- 4. 60% - <80%
- 5. 80% - 100%

25. Ngoài các ý kiến trên, bạn có đóng góp gì cho nội dung về đội ngũ giảng viên của nhà trường? (chuyên môn, cách truyền đạt kiến thức, phương pháp giảng dạy, cách đánh giá của GV...)

1. Không

2. Có:

PHẦN 1.3: VỀ NGUỒN LỰC HỌC TẬP

26. Giáo trình, tài liệu được cung cấp đầy đủ

- 1. Hoàn toàn không đồng ý (từ 0%-20%)
- 2. Không đồng ý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Đồng ý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn đồng ý (từ 80%-100%)

27. Giáo trình, tài liệu được cung cấp kịp thời

- 1. Hoàn toàn không đồng ý (từ 0%-20%)
- 2. Không đồng ý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Đồng ý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn đồng ý (từ 80%-100%)

28. Giáo trình, tài liệu được cung cấp với nội dung thường xuyên được cập nhật

- 1. Hoàn toàn không đồng ý (từ 0%-20%)
- 2. Không đồng ý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Đồng ý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn đồng ý (từ 80%-100%)

29. Tỷ lệ GV thường xuyên giới thiệu các trang web, giáo trình, tài liệu tham khảo mới trong thư viện của trường/Khoa/Bộ môn

- 1. 0% - <20%
- 2. 20% - <40%
- 3. 40% - <60%
- 4. 60% - <80%
- 5. 80% - 100%

30. SV dễ tiếp cận các tài liệu tham khảo tại thư viện do GV giới thiệu

- 1. Hoàn toàn không đồng ý
- 2. Không đồng ý
- 3. Tạm được
- 4. Đồng ý
- 5. Hoàn toàn đồng ý

31. Nguồn tài liệu trong thư viện của nhà trường đáp ứng được nhu cầu của sinh viên

- 1. Hoàn toàn không đồng ý (từ 0%-20%)
- 2. Không đồng ý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Đồng ý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn đồng ý (từ 80%-100%)

32. Thư viện đảm bảo chất lượng về sách báo (chuyên ngành) và các khóa luận, luận văn, luận án

- 1. Hoàn toàn không đồng ý (từ 0%-20%)
- 2. Không đồng ý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Đồng ý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn đồng ý (từ 80%-100%)

33. Thư viện đảm bảo chất lượng về không gian

- 1. Hoàn toàn không đồng ý (từ 0%-20%)
- 2. Không đồng ý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Đồng ý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn đồng ý (từ 80%-100%)

34. Thư viện đảm bảo chất lượng về chỗ ngồi

- 1. Hoàn toàn không đồng ý (từ 0%-20%)
- 2. Không đồng ý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Đồng ý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn đồng ý (từ 80%-100%)

35. Các phòng học đảm bảo yêu cầu về chỗ ngồi

- 1. Hoàn toàn không đồng ý (từ 0%-20%)
- 2. Không đồng ý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Đồng ý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn đồng ý (từ 80%-100%)

36. Các phòng học đảm bảo về trang thiết bị dạy học (máy tính, máy chiếu, màn chiếu, micro)

- 1. Hoàn toàn không đồng ý (từ 0%-20%)
- 2. Không đồng ý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Đồng ý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn đồng ý (từ 80%-100%)

37. Các phòng học đảm bảo về âm thanh

- 1. Hoàn toàn không đồng ý (từ 0%-20%)
- 2. Không đồng ý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Đồng ý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn đồng ý (từ 80%-100%)

38. Các phòng học đảm bảo về ánh sáng

- 1. Hoàn toàn không đồng ý (từ 0%-20%)
- 2. Không đồng ý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Đồng ý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn đồng ý (từ 80%-100%)

39. Các phòng học đảm bảo về độ thông thoáng

- 1. Hoàn toàn không đồng ý (từ 0%-20%)
- 2. Không đồng ý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Đồng ý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn đồng ý (từ 80%-100%)

40. Nhà trường cung cấp Giảng đường đáp ứng nhu cầu học tập cho SV

- 1. Hoàn toàn không đồng ý (từ 0%-20%)
- 2. Không đồng ý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Đồng ý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn đồng ý (từ 80%-100%)

41. Nhà trường cung cấp bàn, ghế đáp ứng nhu cầu học tập cho SV

- 1. Hoàn toàn không đồng ý (từ 0%-20%)
- 2. Không đồng ý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Đồng ý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn đồng ý (từ 80%-100%)

42. Nhà trường cung cấp chỗ gửi xe đáp ứng nhu cầu cho SV

- 1. Hoàn toàn không đồng ý (từ 0%-20%)
- 2. Không đồng ý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Đồng ý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn đồng ý (từ 80%-100%)

43. Nhà trường cung cấp nhà vệ sinh đáp ứng nhu cầu cho SV

- 1. Hoàn toàn không đồng ý (từ 0%-20%)
- 2. Không đồng ý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Đồng ý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn đồng ý (từ 80%-100%)

44. Phòng học vệ tinh hỗ trợ cho quá trình học tập hiệu quả

- 1. Hoàn toàn không đồng ý (từ 0%-20%)
- 2. Không đồng ý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Đồng ý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn đồng ý (từ 80%-100%)

45. Các khu tự học đảm bảo về ánh sáng và bàn ghế hỗ trợ cho quá trình học tập

- 1. Hoàn toàn không đồng ý (từ 0%-20%)
- 2. Không đồng ý (từ 20%-40%)
- 3. Tạm được (từ 40%-60%)
- 4. Đồng ý (từ 60%-80%)
- 5. Hoàn toàn đồng ý (từ 80%-100%)

46. Ngoài các ý kiến trên, bạn có đóng góp gì cho nội dung về nguồn lực học tập? (giáo trình, tài liệu, Thư viện, phòng học, khu tự học, cơ sở vật chất: Giảng đường, ghế, chỗ giữ xe, nhà vệ sinh; môi trường xung quanh.....)

1. Không

2. Có:

PHẦN 1.4: VỀ KẾT QUẢ ĐÀO TẠO

47. Bằng tốt nghiệp của nhà trường có lợi thế cạnh tranh trong công việc

- 1. Hoàn toàn không đồng ý
- 2. Không đồng ý
- 3. Đồng ý
- 4. Hoàn toàn đồng ý
- 5. Không Ý kiến vì:

48. Bạn có khả năng làm việc trong môi trường đa văn hóa (Đa văn hóa là một hiện tượng xã hội với sự đa dạng về văn hóa, phong tục tập quán của nhiều vùng miền, nhiều nước khác nhau)

- 1. Hoàn toàn không đồng ý
- 2. Không đồng ý
- 3. Đồng ý
- 4. Hoàn toàn đồng ý
- 5. Không Ý kiến vì:

49. Sinh viên tốt nghiệp tại nhà trường có khả năng tự học

- 1. Hoàn toàn không đồng ý
- 2. Không đồng ý
- 3. Đồng ý
- 4. Hoàn toàn đồng ý
- 5. Không Ý kiến vì:

50. Sinh viên tốt nghiệp tại nhà trường có khả năng tự nghiên cứu

- 1. Hoàn toàn không đồng ý
- 2. Không đồng ý
- 3. Đồng ý
- 4. Hoàn toàn đồng ý
- 5. Không Ý kiến vì:

51. Chương trình đào tạo giúp bạn chịu được áp lực cao trong công việc

- 1. Hoàn toàn không đồng ý
- 2. Không đồng ý
- 3. Đồng ý
- 4. Hoàn toàn đồng ý
- 5. Không Ý kiến vì:

52. Bạn ứng dụng được kiến thức vào công việc thực tiễn

- 1. Hoàn toàn không đồng ý
- 2. Không đồng ý
- 3. Đồng ý
- 4. Hoàn toàn đồng ý
- 5. Không Ý kiến vì:

53. Bạn được học về kỹ năng tư duy, nghiên cứu, sáng tạo

- 1. Hoàn toàn không đồng ý
- 2. Không đồng ý
- 3. Đồng ý
- 4. Hoàn toàn đồng ý
- 5. Không Ý kiến vì:

54. Bạn được học về kỹ năng làm việc nhóm

- 1. Hoàn toàn không đồng ý
- 2. Không đồng ý
- 3. Đồng ý
- 4. Hoàn toàn đồng ý
- 5. Không Ý kiến vì:

55. Bạn được học về kỹ năng giải quyết vấn đề, xử lý thông tin

- 1. Hoàn toàn không đồng ý
- 2. Không đồng ý
- 3. Đồng ý
- 4. Hoàn toàn đồng ý
- 5. Không Ý kiến vì:

56. Bạn được học về kỹ năng làm việc hiệu quả với người khác

- 1. Hoàn toàn không đồng ý
- 2. Không đồng ý
- 3. Đồng ý
- 4. Hoàn toàn đồng ý
- 5. Không Ý kiến vì:

57. Bạn được học về kỹ năng quản lý thời gian

- 1. Hoàn toàn không đồng ý
- 2. Không đồng ý
- 3. Đồng ý
- 4. Hoàn toàn đồng ý
- 5. Không Ý kiến vì:

58. Bạn được học về kỹ năng giao tiếp

- 1. Hoàn toàn không đồng ý
- 2. Không đồng ý
- 3. Đồng ý
- 4. Hoàn toàn đồng ý
- 5. Không Ý kiến vì:

59. Bạn được học về kỹ năng tìm kiếm việc làm

- 1. Hoàn toàn không đồng ý
- 2. Không đồng ý
- 3. Đồng ý
- 4. Hoàn toàn đồng ý
- 5. Không Ý kiến vì:

60. Bạn được huấn luyện về tính chuyên nghiệp

- 1. Hoàn toàn không đồng ý
- 2. Không đồng ý
- 3. Đồng ý
- 4. Hoàn toàn đồng ý
- 5. Không Ý kiến vì:

61. Trình độ ngoại ngữ của bạn tương đương với (theo khung năng lực 6 bậc châu Âu)

- 1. A1
- 2. A2
- 3. B1
- 4. B2
- 5. C1
- 6. C2

62. Trình độ tin học của bạn tương đương với:

- 1. Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản
- 2. Chứng chỉ ứng dụng CNTT nâng cao
- 3. Khác (ghi rõ):

63. Ngoài các ý kiến trên, bạn có đóng góp gì cho nội dung về kết quả đào tạo? (Môi trường, kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, các hoạt động nghiên cứu, cộng đồng...)

- 1. Không
- 2. Có:

PHẦN 2: Ý KIẾN CỦA ANH/CHỊ VỀ CÁC TIÊU CHÍ QUAN TRỌNG NHẤT GIÚP SINH VIÊN RA TRƯỜNG TÌM VIỆC LÀM

64. Trong phần này, bạn vui lòng chọn **BA YẾU TỐ** mà các anh/chị nghĩ là quan trọng nhất giúp sinh viên ra trường tìm việc làm:

- 1. Uy tín của nhà trường
- 2. Thư giới thiệu của nhà trường
- 3. Kiến thức xã hội của SV nói chung
- 4. Trình độ ngoại ngữ
- 5. Trình độ công nghệ thông tin
- 6. Kinh nghiệm làm việc
- 7. Năng lực giao tiếp
- 8. Có khả năng hoạt động trong nhiều lĩnh vực
- 9. Tính bền bỉ/quyết đoán trong công việc
- 10. Có tinh thần hợp tác
- 11. Nhiệt tình trong công tác
- 12. Có óc sáng tạo
- 13. Sống có lý tưởng, hoài bão
- 14. Có ngoại hình
- 15. Có cá tính
- 16. Ăn mặc chỉnh tề, lịch sự
- 17. Khác:

PHẦN 3: GÓP Ý CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRƯỜNG

65. Theo bạn, để nâng cao chất lượng đào tạo nói chung ở trường và để đáp ứng được nhu cầu đào tạo của xã hội, SV cần phải bổ sung thêm những kiến thức và kỹ năng nào? (về lâm sàng, về lý thuyết, về phương pháp học tập, về kỹ năng mềm, cộng đồng...)

66. Theo bạn, để nâng cao chất lượng đào tạo nói chung ở trường và để đáp ứng được nhu cầu đào tạo của xã hội, nhà trường cần phải làm gì?

67. Theo bạn, bằng tốt nghiệp của sinh viên nhà trường so với bằng tốt nghiệp của các trường đại học khối ngành sức khỏe được đánh giá như thế nào?

1. ĐH Y Dược TPHCM
2. Khoa Y ĐH QG TPHCM
3. ĐH Y Khoa Phạm Ngọc Thạch
4. ĐH Tân Tạo
5. ĐH Y Cần Thơ
6. ĐH Võ Trường Toản

Bạn vui lòng sắp xếp thứ tự các trường theo thứ tự từ cao xuống thấp các trường mà bạn biết rõ và không đánh giá trường mà bạn không rõ.

68. Bạn có tự tin khi đã từng là sinh viên của trường không? Xin nêu rõ?

1. Có
 2. Không

Ý kiến đóng góp:

69. Xếp loại tốt nghiệp của bạn

1. Xuất sắc
 2. Giỏi
 3. Khá
 4. Trung bình Khá
 5. Trung bình

70. Bạn có dự định học sau đại học không? Và học tại đâu?

1. Không
 2. Tại trường ĐH Y Khoa Phạm Ngọc Thạch
 3. Tại trường ĐH Y Dược TP. Hồ Chí Minh
 4. Tại nước ngoài
 5. Khác (nêu rõ):

71. Tình hình việc làm của bạn

1. Đang học Sau đại học: (ghi rõ bậc học, ngành học, nơi học) (Ví dụ: BSNT ngành Nhân Khoa, ĐH Y Khoa Phạm Ngọc Thạch)

2. Đang học 18 tháng: (ghi rõ nơi đăng ký học) (Ví dụ: Nhi Khoa, BV Nhi Đồng 1)

3. Đang làm việc theo chương trình của Sở Y tế (Ghi rõ: Bệnh viện/ Trung tâm y tế/ Trạm Y tế) (Ví dụ: Khoa Nội tổng quát Bệnh viện Nguyễn Tri Phương hoặc Khoa Sản Bệnh viện Quận 4 hoặc Trạm Y tế Phường 14 Quận 4...)

4. Đang làm việc không theo chương trình của sở Y tế (Ghi rõ: Bệnh viện/ Trung tâm y tế/ Trạm Y tế) (Ví dụ: Khoa Nội tổng quát Bệnh viện Nguyễn Tri Phương hoặc Khoa Sản Bệnh viện Quận 4 hoặc Trạm Y tế Phường 14 Quận 4...)

5. Khác (ghi rõ):

72. Mức lương bạn mong muốn đạt được? (đơn vị: triệu đồng)

73. Tầm nhìn, Sứ mạng và Giá trị cốt lõi của Nhà trường là gì? Bạn có ý kiến gì về Tầm nhìn, Sứ mạng và Giá trị cốt lõi của Nhà trường?

74. Bạn có ý kiến gì về công tác tuyển sinh của Nhà trường?

75. Bạn tìm kiếm ở đâu để biết Tầm nhìn, Sứ mạng và Giá trị cốt lõi của Nhà trường?

76. Bạn có ý kiến gì về công tác nhập học của Nhà trường?

77. Bạn có ý kiến gì về công tác Nghiên cứu khoa học trong sinh viên của Nhà trường?

78. Bạn đóng góp thêm ý kiến gì về các hoạt động xã hội, phục vụ và kết nối cộng đồng của Nhà trường?

79. Theo bạn, một video dạy học đạt chuẩn cần đạt những yếu tố gì?

80. Mong bạn đóng góp thêm ý kiến về các đặc điểm hiệu quả của 1 video dạy học

1. Về thời gian (khoảng bao nhiêu phút cho 1 clip là phù hợp?)

2. Về hình ảnh (sự xuất hiện của Giảng viên? Độ phân giải? Màu sắc? Cỡ chữ, font chữ?) \

3. Về giọng nói (chất giọng, tốc độ giảng)

4. Về nội dung bài giảng

5. Về hình thức trình bày bài giảng

6. Khác

PHẦN 4: BỘ CÂU HỎI VARK (PHIÊN BẢN 8.1)

Bộ câu hỏi VARK phiên bản 8.1 là bộ câu hỏi về thói quen học tập của bạn.

Chọn câu trả lời giải thích rõ nhất, bạn có thể chọn nhiều câu trả lời nếu bạn cho rằng nó phù hợp với ý bạn. Cố gắng trả lời đầy đủ các câu. Nếu câu nào bạn cảm thấy không phù hợp, có thể bỏ trống.

81. Bạn cần tìm đường đến một cửa hàng mà một người bạn đã giới thiệu, bạn sẽ:

- 1. Tìm xem cửa hàng có gần với nơi nào mà bạn biết.
- 2. Nhờ bạn của bạn chỉ đường.
- 3. Viết ra các chỉ dẫn đường đi mà bạn cần nhớ.
- 4. Sử dụng bản đồ.

82. Một trang web có một video hướng dẫn cách tạo một đồ thị hoặc biểu đồ đặc biệt. Video đó có một người nói hướng dẫn, các danh sách mô tả những việc cần làm và một số sơ đồ hướng dẫn. Bạn sẽ học được nhiều nhất từ:

- 1. Xem các sơ đồ.
- 2. Nghe hướng dẫn.
- 3. Đọc hướng dẫn.
- 4. Xem các chỉ dẫn.

83. Khi muốn tìm hiểu thêm về một chuyến du lịch sắp tới bạn dự định đi. Bạn sẽ sử dụng phương thức nào?

- 1. Các bài viết về các điểm nổi bật và hoạt động trong chuyến du lịch của những người đã từng đi.
- 2. Sử dụng bản đồ và xem vị trí của các địa điểm đó ở đâu.
- 3. Đọc kế hoạch tổ chức tham quan, nghỉ mát.
- 4. Nói chuyện với người đã lên kế hoạch cho chuyến du lịch hoặc những người khác cùng tham gia.

84. Khi chọn một nghề nghiệp hoặc lĩnh vực học tập, đối với bạn (những) điều nào quan trọng:

- 1. Áp dụng kiến thức của bạn trong các tình huống thực tế.
- 2. Giao tiếp được với người khác thông qua các cuộc thảo luận.
- 3. Sử dụng các bản thiết kế, bản đồ hoặc biểu đồ trong lúc làm việc, học tập.
- 4. Sử dụng tốt vốn từ ngữ khi trao đổi bằng văn bản.

85. Khi đang học, bạn muốn:

- 1. Thích giải thích, bàn luận mọi việc một cách rõ ràng và thông suốt.
- 2. Thấy được bản chất của mọi việc.
- 3. Sử dụng các ví dụ và ứng dụng.
- 4. Đọc sách, bài báo và tài liệu phát tay.

86. Khi muốn tiết kiệm tiền, theo bạn, phương án tốt nhất là:

- 1. Xem xét các ví dụ về các phương án tiết kiệm tiền.
- 2. Đọc thêm tài liệu mô tả chi tiết.
- 3. Sử dụng biểu đồ để so sánh các phương án khác nhau.
- 4. Cần sự tư vấn của bạn bè, người thân.

87. Bạn sẽ làm gì khi muốn học cách một trò chơi tương tác giữa hai hoặc nhiều người (Boardgame) hoặc một trò chơi sử dụng thẻ bài (Card game)?

- 1. Xem những người khác chơi trước khi tham gia.
- 2. Nghe ai đó giải thích nó và đặt câu hỏi về nó.
- 3. Sử dụng các sơ đồ giải thích các giai đoạn, các bước và chiến lược khác nhau trong trò chơi.
- 4. Đọc phân hướng dẫn cách chơi.

88. Nếu có triệu chứng của bệnh tim mạch, bạn muốn bác sĩ:

- 1. Cho bạn đọc một cái gì đó có thể giải thích được những gì đang xảy ra với bạn.
- 2. Sử dụng mô hình giải phẫu cơ thể người giải thích về tình trạng của bạn.
- 3. Giải thích và mô tả được tình trạng của bạn.
- 4. Chỉ ra một sơ đồ về tình trạng bệnh của bạn.

89. Khi muốn học cách làm điều gì đó mới trên máy tính, bạn sẽ:

- 1. Đọc hướng dẫn bằng văn bản đi kèm với chương trình.
- 2. Trò chuyện với những người hiểu biết về chương trình.
- 3. Bắt đầu sử dụng nó và học thông qua những lúc thử và phạm phải sai sót.
- 4. Theo các sơ đồ sử dụng trong sách.

90. Khi học thông qua Internet, bạn thích:

- 1. Video hướng dẫn cách làm.
- 2. Thiết kế bắt mắt và có các hiệu ứng hình ảnh.
- 3. Các mô tả, danh sách và giải thích bằng văn bản thú vị và lôi cuốn.
- 4. Kênh âm thanh trực tuyến nơi bạn có thể nghe chương trình phát thanh hoặc phỏng vấn.

91. Khi muốn tìm hiểu về một dự án mới, bạn sẽ yêu cầu:

- 1. Sơ đồ thể hiện các giai đoạn của dự án với các biểu đồ về lợi ích và chi phí.
- 2. Một báo cáo bằng văn bản mô tả các đặc điểm chính của dự án.
- 3. Một cơ hội để thảo luận về dự án.
- 4. Ví dụ một số nơi mà dự án đã được sử dụng thành công.

92. Khi muốn học cách chụp những bức ảnh đẹp hơn, bạn sẽ:

- 1. Đặt câu hỏi và nói về máy ảnh và các tính năng của nó.
- 2. Đọc các hướng dẫn về những gì cần làm.
- 3. Đọc sơ đồ hiển thị chi tiết máy ảnh và chức năng của từng bộ phận.
- 4. So sánh những bức ảnh đẹp và chưa đẹp và tìm ra cách cải thiện chúng.

93. Bạn thích một người thuyết trình hoặc giáo viên sử dụng:

- 1. Dạy học trên bảng chứng, mô hình hoặc các tiết thực hành, thực tập.
- 2. Hỏi và trả lời, thảo luận nhóm hoặc mời thêm giáo viên thỉnh giảng.
- 3. Tài liệu phát tay, sách hoặc bài đọc.
- 4. Sơ đồ, biểu đồ cột, bản đồ hoặc biểu đồ đường.

94. Sau khi hoàn thành một cuộc thi hoặc bài kiểm tra và bạn muốn có phản hồi về phần trình bày của mình, bạn muốn có phản hồi như thế nào?

- 1. Sử dụng ví dụ từ những gì bạn đã làm.
- 2. Mô tả bằng văn bản về kết quả của bạn.
- 3. Một người nào đó giải thích với bạn.
- 4. Sử dụng đồ thị thể hiện những gì bạn đã đạt được.

95. Khi muốn tìm hiểu về một ngôi nhà hoặc một căn hộ, trước khi ghé thăm quan, bạn muốn:

- 1. Xem căn hộ hoặc ngôi nhà đó thông qua video.
- 2. Thảo luận với chủ của căn hộ hoặc ngôi nhà đó.
- 3. Văn bản mô tả các căn phòng và đặc điểm của từng phòng.
- 4. Bản thiết kế các phòng và một bản đồ căn hộ hoặc ngôi nhà đó.

96. Khi muốn lắp ráp một chiếc bàn gỗ đã có sẵn các bộ phận (kèm bộ dụng cụ), bạn sẽ học cách lắp ráp nó tốt nhất từ việc sử dụng:

- 1. Sơ đồ thể hiện từng giai đoạn của quá trình lắp ráp.
- 2. Lời khuyên từ một người đã lắp ráp nó trước đây.
- 3. Đọc hướng dẫn đi kèm với các bộ phận của chiếc bàn.
- 4. Xem video của một người lắp ráp một chiếc bàn tương tự.

----HẾT----

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của bạn

Mọi ý kiến đóng góp xin vui lòng liên hệ:

Phòng Bảo đảm chất lượng – Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

Email: phong_bdcl@pnt.edu.vn

Số điện thoại: 090 956 9563 – gặp BS. Ngô Quốc Cường – Phòng Bảo đảm chất lượng

Họ và tên:

Lớp:

MSSV: